

Bản án số: 45/2020/HSST
Ngày 10/12/2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH HÓA, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông H Văn Giang.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Thái Thị Thìn;

- Ông Trần Văn Thuận.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thành Huế - Thư ký TAND huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Ông Đinh Ngọc Vĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 12 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 42/2020/HSST ngày 14/10/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2020/QĐXXST-HS ngày 26/11/2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phạm Văn S** (Không có tên gọi khác), sinh ngày 14/7/1980.

Nơi ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: Xóm BP, xã TĐ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: Lớp 7/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Phạm Văn **L** (L) và bà Nông Thị **M** (M) (Đều đã chết).

Gia đình bị cáo có 08 anh, chị em, bị cáo là con thứ bảy

Có vợ là Vy Thị Thúy, sinh năm 1984 và 01 con sinh năm 2002.

Tiền án: Có 03 tiền án:

+ Tại bản án số: 424/HSST ngày 23/11/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt Phạm Văn S 15 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. (Chấp hành xong bản án ngày 07/12/2012).

+ Tại bản án số: 53/2013/HSST ngày 23/10/2013 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt Phạm Văn S 12 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. (Chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/8/2014).

+ Tại bản án số: 328/2015/HSST ngày 25/11/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt Phạm Văn S 42 tháng tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. (Chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/11/2018).

Tiền sự: Không.

Nhân thân: Tại bản án số: 84/2020/HSST ngày 24/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt Phạm Văn S 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/7/2020 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại: Trạm khai thác thủy lợi Đ

Đại diện theo pháp luật: Ông Ma Văn Toán, sinh năm 1976;

Chức vụ: Trạm trưởng trạm khai thác thủy lợi Đ.

Trú tại: Tổ dân phố Trung Tâm, thị trấn Chợ Chu, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại:

Anh Ngô Quang H, sinh năm 1983

Trú tại: Xóm 3 KT, xã KS, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt có lý do).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1960

Trú tại: Xóm NB, xã TĐ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

Người làm chứng:

1. Bà Triệu Thị Y, sinh năm 1961.

Trú tại: Xóm NB, xã TĐ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

2. Ông Trần Văn V, sinh năm 1958

Trú tại: Xóm BP, xã TĐ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 00 phút, ngày 02/4/2020 Phạm Văn S đi bộ đến nhà ông Trần Văn V ở cùng xóm để lấy tiền công xây dựng, khi đi qua khu nhà quản lý hồ BP (Do Trạm khai thác thủy lợi huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xây dựng và quản lý), quan sát thấy không có người trông coi nên S nảy sinh ý định vào bên trong, trộm cắp tài sản. S trèo qua cổng sắt, đi vào nhà vệ sinh, thì thấy 01 chiếc bồn cầu (bồn vệ sinh), nhãn hiệu Vinaselas, màu trắng, S liền dùng tay rung, lắc chiếc bồn cầu làm cho bồn cầu bật phần chân được gắn xi măng với nền nhà vệ sinh. Sau đó S vác chiếc bồn cầu lên vai, trèo qua cổng sắt đi ra ngoài, đi được khoảng 50 mét thì cất chiếc bồn cầu vào bụi cây bên phải đường. S tiếp tục đi bộ đến nhà ông V và hỏi ông V có mua bồn cầu không thì được ông V trả lời không mua, nên S đi bộ đến nhà Nguyễn Văn C hỏi C có mua bồn cầu không, C trả lời “Cứ mang xuống đây”. S quay lại vị trí cất giấu và mang chiếc bồn cầu đã trộm cắp được bán cho Nguyễn Văn C với giá

300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) S đã tiêu sài cá nhân hết số tiền.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 11/KL-ĐG ngày 09/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự của UBND huyện Đ kết luận: 01 (một) bồn cầu vệ sinh, nhãn hiệu Vinaselas, đã qua sử dụng, mua tháng 12 năm 2018 có giá trị là: 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng).

Vật chứng của vụ án là 01 chiếc bồn cầu (bồn vệ sinh), nhãn hiệu Vinaselas, màu trắng đã qua sử dụng. Sau khi điều tra làm rõ, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Định Hoá đã trả lại cho Trạm khai thác thủy lợi Định Hoá là chủ sở hữu quản lý, sử dụng.

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội bị cáo đã thực hiện. Quá trình điều tra người đại diện theo ủy quyền của bị hại yêu cầu xử lý bị cáo theo đúng quy định của pháp luật. Ngoài ra, người đại diện theo ủy quyền của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không yêu cầu gì thêm.

Bản Cáo trạng số 42/CT-VKSĐH, ngày 12/10/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Phạm Văn S về tội "Trộm cắp tài sản", theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm như đã truy tố trong Cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn S phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Xử phạt bị cáo Phạm Văn S từ 18 đến 24 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (26/7/2020).

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Truy thu số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn) đồng do bị cáo bán chiếc bồn cầu mà có.

Về vật chứng: Vật chứng của vụ 01 chiếc bồn cầu (bồn vệ sinh), nhãn hiệu Vinaselas, màu trắng đã qua sử dụng. Đã trả lại cho Trạm khai thác thủy lợi Định Hoá là chủ sở hữu quản lý, sử dụng. Không yêu cầu xem xét.

Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện theo ủy quyền của bị hại không đề nghị. HĐXX không xem xét. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại địa phương, không có mặt tại phiên tòa do vậy quyền, nghĩa vụ của ông C được xem xét giải quyết ở vụ án khác khi ông C có yêu cầu.

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Bị cáo đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào những chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện

chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh, điều luật truy tố: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ cơ sở để khẳng định:

Do lười lao động, bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của người khác để lấy tiêu tiêu xài cá nhân. Do vậy, ngày 02/4/2020 bị cáo một mình đi bộ qua khu nhà quản lý hồ BP (Do Trạm khai thác thủy lợi huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xây dựng và quản lý), quan sát thấy không có người trông coi nên S nảy sinh ý định vào bên trong, trộm cắp tài sản. S trèo qua cổng sắt, đi vào nhà vệ sinh, thì thấy 01 chiếc bồn cầu (bồn vệ sinh), nhãn hiệu Vinaselas, màu trắng, S liền dùng tay rung, lắc chiếc bồn cầu làm cho bồn cầu bật phần chân được gắn xi măng với nền nhà vệ sinh. Bị cáo S vác chiếc bồn cầu và trèo qua cổng sắt đi ra ngoài, đi được khoảng 50 mét thì cất chiếc bồn cầu vào bụi cây bên phải đường. Bị cáo đến nhà ông V và hỏi ông V có mua bồn cầu không thì được ông V trả lời không mua, nên đã đến nhà Nguyễn Văn C hỏi C có mua bồn cầu không, C trả lời “Cứ mang xuống đây”. Bị cáo quay lại vị trí cất giấu và mang chiếc bồn cầu đã lấy được bán cho Nguyễn Văn C với giá 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) và tiêu xài hết. Khi mua bồn cầu của bị cáo, ông C không biết đấy là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 11/KL-ĐG ngày 09/6/2020 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự của UBND huyện Đ kết luận: 01 (một) bồn cầu vệ sinh, nhãn hiệu Vinaselas, đã qua sử dụng, mua tháng 12 năm 2018 có giá trị là: 1.200.000 đồng (Một triệu hai trăm nghìn đồng).

Hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Bản Cáo trạng số: 42/CT-VKSĐH, ngày 12/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên đã truy tố bị cáo Phạm Văn S về tội “trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Điều luật có nội dung:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác...dưới 2.000.000 đồng

nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

b) Đã bị kết án về tội này... chưa được xoá án tích mà còn vi phạm;”

[3] Về tính chất, hành vi phạm tội:

Bị cáo là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng thực hiện với lỗi cố ý. Do đó, hành vi bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại đến quyền chiếm hữu, sử dụng tài sản của công dân, đi ngược lại công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm của toàn xã hội, đã xâm phạm đến các điều cấm được Bộ luật hình sự bảo vệ. Hành vi bị cáo đã thực hiện phải được xử lý bằng pháp luật hình sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo. Phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Nên được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng đó là “Tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

[5] Về hình phạt áp dụng đối với bị cáo: Căn cứ vào nhân thân, tính chất của vụ án và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, thấy rằng bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi là vi phạm pháp luật nhưng cố ý thực hiện, gây thiệt hại về vật chất cho người khác. Bị cáo gây thiệt hại nhưng đến nay chưa khắc phục thiệt hại do hành vi bị cáo đã gây ra. Vì vậy, cần có hình phạt phù hợp, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Chiếc bồn cầu (bồn vệ sinh), nhãn hiệu Vinaselas, màu trắng đã qua sử dụng. Đã trả lại cho Trạm khai thác thủy lợi Định Hoá là chủ sở hữu quản lý, sử dụng. Quá trình điều tra đại diện theo ủy quyền của bị hại không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn C đã mua chiếc bồn cầu với giá 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Quá trình điều tra ông C không đề nghị bị cáo phải trả lại số tiền đã trả mua chiếc bồn cầu. Tại phiên tòa ngày hôm nay ông C vắng mặt, do vậy đối với số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn) đồng ông C đã mua chiếc bồn cầu sẽ được xem xét ở vụ án khác khi có yêu cầu.

[7] Về vật chứng của vụ án: Chiếc bồn cầu (bồn vệ sinh), nhãn hiệu Vinaselas, màu trắng đã qua sử dụng. Đã trả lại cho Trạm khai thác thủy lợi Định Hoá là chủ sở hữu quản lý, sử dụng. Do vậy, HĐXX không xem xét.

[8] Về án phí và quyền kháng cáo:

Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật

[9] Xét đề nghị của vị Kiểm sát viên tại phiên tòa. Về tội danh, điều luật áp dụng, hình thức xử lý đối với bị cáo bằng hình phạt tù, trách nhiệm dân sự, vật chứng,

án phí và quyền kháng cáo là phù hợp, đúng pháp luật và cần được chấp nhận.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 259 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố: Bị cáo **Phạm Văn S** phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173 BLHS, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 BLHS; Khoản 2 Điều 260; Khoản 1 Điều 268; Khoản 1 Điều 269; Khoản 1 Điều 298; Điều 329 Bộ luật TTHS:

Xử phạt bị cáo Phạm Văn S 18 (mười tám) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù từ ngày tạm giữ, tạm giam 26/7/2020.

Quyết định tạm giam bị cáo 45 (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (10/12/2020) để đảm bảo thi hành án.

2. Vật chứng: HĐXX không xem xét.

3. Án phí và quyền kháng cáo:

Áp dụng các Điều 135; 136; 331; 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phạm Văn S phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm. Có mặt bị cáo, báo cho biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người đại diện theo ủy quyền của bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa. Có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Thị Thìn

Trần Văn Thuận

H Văn Giang

Nơi nhận:

- VKSND huyện Đ;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Hồ sơ THAHS;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

H Văn Giang

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỊNH HÓA
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN
PHIÊN TOÀ HÌNH SỰ SƠ THẨM

Hội 08 giờ 30 phút ngày 10 tháng 12 năm 2020. Tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Mở phiên tòa để xét xử sơ thẩm vụ án hình sự đối với bị cáo Phạm Văn S bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự tại cáo trạng số: 42 /CT – VKSĐH ngày 12/10/2020.

Vụ án được xét xử công khai.

I. Những người tiến hành tố tụng:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông H Văn Giang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Thuận;

2. Bà Thái Thị Thìn.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thành Huế – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Ông Định Ngọc Vĩnh- Kiểm sát viên.

II. Những người tham gia tố tụng:

1. Họ và tên: **Phạm Văn S** (Không có tên gọi khác), sinh năm 1980.

Nơi ĐKKHKT: Xóm BP, xã TĐ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi ở hiện nay: Xóm BP, xã TĐ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Nghề nghiệp: Làm Ruộng; Trình độ văn hoá: Lớp 07/12; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Phạm Văn Lại (Lai) và bà Nông Thị Mai (Mai) (Đều đã chết).

Gia đình bị cáo có 08 anh, chị em, bị cáo là con thứ bảy

Có vợ là Vy Thị Thúy, sinh năm 1984 và 01 con sinh năm 2002.

Tiền án: Có 03 tiền án:

+ Tại bản án số: 424/HSST ngày 23/11/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt Phạm Văn S 15 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. (Chấp hành xong bản án ngày 07/12/2012).

+ Tại bản án số: 53/2013/HSST ngày 23/10/2013 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt Phạm Văn S 12 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. (Chấp hành xong hình phạt tù ngày 12/8/2014).

+ Tại bản án số: 328/2015/HSST ngày 25/11/2015 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt Phạm Văn S 42 tháng tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. (Chấp hành xong hình phạt tù ngày 27/11/2018).

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

+ Ngày 27/7/2020, Phạm Văn S bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, khởi tố vụ án, khởi tố bị can về tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 26/7/2020 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại: Trạm khai thác thủy lợi Đ

Đại diện theo pháp luật: Ông Ma Văn Toán, sinh năm 1976.

Chức vụ: Trạm trưởng trạm khai thác thủy lợi Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại:

Anh Ngô Quang H, sinh năm 1983

Trú tại: Xóm 3 KT, xã KS, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1960

Trú tại: Xóm NB, xã TĐ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt không có lý do).

Người làm chứng:

Bà Triệu Thị Y, sinh năm 1961.

Trú tại: Xóm NB, xã TĐ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt không có lý do).

Ông Trần Văn V, sinh năm 1958

Trú tại: Xóm BP, xã TĐ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

(Vắng mặt không có lý do).

III. Phần thủ tục phiên tòa:

1. Chủ tọa phiên tòa khai mạc phiên tòa và đọc Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

2. Thư ký phiên tòa báo cáo với Hội đồng xét xử về sự có mặt, vắng mặt của những người được Tòa án triệu tập.

Bị cáo Phạm Văn S - Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại: Anh Ngô Quang H – Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người có nghĩa vụ và quyền lợi liên quan: Ông Nguyễn Văn C – Vắng mặt

Người làm chứng: Bà Triệu Thị Y; Ông Trần Văn V - Vắng mặt.

3. Chủ tọa phiên tòa kiểm tra lại sự có mặt của những người có mặt tại phiên tòa theo giấy triệu tập, giấy mời của Tòa án; kiểm tra lý lịch, phổ biến quyền, nghĩa vụ của họ và giải thích cho họ biết về những bản án, quyết định được công bố trên cổng thông tin điện tử của Tòa án và quyền của họ về việc này.

- CT: Đại diện Viện kiểm sát cho biết ý kiến việc vắng mặt của người đại diện theo ủy quyền của người bị hại, người có nghĩa vụ và quyền lợi liên quan và người làm chứng?

- VKS: Tại phiên Tòa vắng mặt người đại diện theo ủy quyền của người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng. Tuy nhiên, những người vắng mặt trong quá trình điều tra đã có lời khai của mình, VKS đề nghị HĐXX công bố các lời khai những người vắng mặt khi cần thiết, ngoài ra không có ý kiến gì thêm, đề nghị HĐXX tiếp tục phiên tòa.

4. Chủ tọa phiên tòa giới thiệu những người tiến hành tố tụng và hỏi Kiểm sát viên, bị cáo, Người có nghĩa vụ và quyền lợi liên quan có đề nghị thay đổi Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa không?

- Bị cáo: Nhất trí với thành phần HĐXX, Kiểm sát viên, Thư ký, không đề nghị thay đổi ai.

- VKS: Nhất trí với thành phần HĐXX, Thư ký, không đề nghị thay đổi ai.

5. Chủ tọa phiên tòa hỏi bị cáo đã được giao nhận bản cáo trạng và quyết định đưa vụ án ra xét xử hay chưa, có ý kiến gì không?

- Bị cáo: Đã nhận được đầy đủ và không có ý kiến gì.

Chủ tọa: Tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo tự bào chữa cho mình hay đề nghị phải có người bào chữa?

Đáp: Bị cáo tự bào chữa cho mình.

6. Chủ tọa phiên tòa hỏi: Đề nghị Kiểm sát viên và bị cáo có ai yêu cầu triệu tập thêm ai? Triệu tập người làm chứng hoặc yêu cầu đưa thêm vật chứng, tài liệu ra xem xét hay không?

- Bị cáo: Không yêu cầu triệu tập thêm người làm chứng và cũng không yêu cầu đưa thêm vật chứng, tài liệu ra xem xét.

- VKS: Không yêu cầu triệu tập thêm người làm chứng và cũng không yêu cầu đưa thêm vật chứng, tài liệu ra xem xét.

- Chủ tọa: Đại diện Viện kiểm sát cho biết ý kiến về phần thủ tục tại phiên tòa?

- VKS: HĐXX đã thực hiện theo đúng trình tự thủ tục và theo quy định của pháp luật. Không có ý kiến gì về phần thủ tục phiên tòa, đề nghị HĐXX tiếp tục phiên tòa.

- Chủ tọa: Tuyên bố kết thúc phần thủ tục tại phiên tòa.

IV. Phần tranh tụng tại phiên tòa:

1. Kiểm sát viên công bố bản cáo trạng/quyết định truy tố.

Kiểm sát viên công bố bản cáo trạng số: 42/CT – VKSĐH ngày 12/10/2020 của VKSND huyện Đ, truy tố bị cáo Phạm Văn S về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

2. Hỏi và trả lời tại phiên tòa:

- Chủ tọa: Bị cáo đã nghe rõ toàn bộ nội dung cáo trạng vì đại diện Viện kiểm sát vừa công bố tại phiên tòa chưa?

- Đáp: Bị cáo đã nghe rõ.

- Hỏi: Bản cáo trạng vì đại diện viện kiểm sát vừa công bố so với bản cáo trạng bị cáo đã nhận được trước đó có giống nhau không?

- Đáp: Có giống nhau.

- Hỏi: Viện kiểm sát truy tố bị cáo theo nội dung bản cáo trạng, bị cáo thấy mình có oan không?

- Đáp: Không oan.

- Chủ tọa hỏi bị cáo có bị ép cung không, mớm cung không? Có bị ai đánh đập không?

- Đáp: Bị cáo không bị ép cung, mớm cung, không bị ai đánh đập.

- Chủ tọa: Bị cáo trình bày lại toàn bộ diễn biến hành vi của mình vào ngày 02/4/2020.

- Đáp: Khoảng 21 giờ 00 phút, ngày 02/4/2020 bị cáo đi bộ đến nhà ông

Trần Văn V ở cùng xóm để lấy tiền công xây dựng, khi đi qua khu nhà quản lý hồ BP, bị cáo quan sát thấy không có người trông coi nên bị cáo nảy sinh ý định vào bên trong, trộm cắp tài sản. Bị cáo trèo qua cổng sắt, đi vào nhà vệ sinh, thì thấy 01 chiếc bồn cầu, bị cáo đã dùng tay rung, lắc chiếc bồn cầu làm cho bồn cầu bật phần chân được gắn xi măng với nền nhà vệ sinh. Sau đó bị cáo vác chiếc bồn cầu lên vai, trèo qua cổng sắt đi ra ngoài, đi được khoảng 50 mét thì cất chiếc bồn cầu vào bụi cây bên phải đường. Bị cáo đi bộ đến nhà ông V và hỏi ông V có mua bồn cầu không thì được ông V trả lời không mua, nên bị cáo đi bộ đến nhà Nguyễn Văn C hỏi C có mua bồn cầu không, C trả lời “Cứ mang xuống đây”. Bị cáo quay lại vị trí cất giấu và mang chiếc bồn cầu bán cho ông C với giá 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Số tiền bán chiếc bồn cầu bị cáo đã tiêu sài cá nhân hết.

- Hỏi: Bị cáo đi đến trạm có đi cùng ai không?
- Đáp: Bị cáo đi một mình
- Hỏi: Khi bị cáo đến trạm khai thác thủy lợi có ai trông coi không?
- Đáp: Không có ai.
- Hỏi: Sao bị cáo biết không có ai trông coi
- Đáp: Bị cáo quan sát không thấy có ai
- Hỏi: Bị cáo đi vào trạm khai thác thủy lợi bằng đường nào:
- Đáp: Bị cáo trèo qua hàng rào sắt
- Hỏi: Bị cáo mang chiếc bồn cầu lấy được đi đâu
- Đáp: Bị cáo mang bán cho ông C
- Hỏi: Bị cáo bán cho ông C bao nhiêu tiền?
- Đáp: Bị cáo bán cho ông C với giá 300.000đ
- Hỏi: Số tiền 300.000đ là tiền bán chiếc bồn cầu hay là tiền ông trả để mua vật liệu lắp đặt bồn cầu cho ông C?
- Đáp: 300.000đ là tiền bị cáo bán chiếc bồn cầu cho ông C.
- Hỏi: Số tiền bán chiếc bồn cầu bị cáo để đâu?
- Đáp: Bị cáo đã dùng để mua ma túy vì bị cáo nghiện ma túy
- Hỏi: Bị cáo nghiện ma túy từ bao giờ?
- Đáp: Bị cáo nghiện ma túy từ năm 2019.
- VKS: Bị cáo cho biết đến phiên tòa ngày hôm nay sau khi được HĐXX công bố các tiền án bị cáo đã hiểu rõ việc bị cáo trộm cắp tài sản giá trị 1.200.000 vẫn bị truy tố ra trước pháp luật chưa?
- Đáp: Bị cáo đã hiểu, bị cáo không có ý kiến gì thêm.
- Hỏi: Bị cáo cho biết tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo thấy HĐXX cần làm thêm vấn đề gì đối với vụ án và bị cáo không?

- Đáp: Đã đầy đủ không yêu cầu gì thêm.
- Chủ tọa tuyên bố kết thúc phần hỏi, chuyển sang phần tranh luận

3. Tranh luận tại phiên tòa:

- KSV: Phát biểu quan điểm luận tội của VKSND huyện Đ đối với bị cáo Phạm Văn S.

Sau phần luận tội, KSV đề nghị HĐXX tuyên bố:

Bị cáo Phạm Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn S từ 18 đến 24 tháng tù.

Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung.

Tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

Về vật chứng: Chiếc bồn cầu đã qua sử dụng đã trả lại cho bị hại, bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm, về 300.000đ của bị cáo bán chiếc bồn cầu cho ông C, ông C không yêu cầu bị cáo trả lại.

- Về án phí: Bị cáo Phạm Văn S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đề nghị truy thu 300.000đ của bị cáo phạm tội mà có sung quỹ Nhà nước.

Đề nghị HĐXX tuyên quyền kháng cáo.

- Chủ Tọa: Bị cáo đã nghe rõ phần luận tội đại diện VKSND huyện Đ vừa công bố chưa?

- Đáp: bị cáo đã nghe rõ.

- Chủ tọa: Bị cáo có ý kiến tranh luận gì không?

- Đáp: Không tranh luận gì.

- Chủ tọa: Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, thay mặt HĐXX tôi tuyên bố kết thúc phần tranh luận, chuyển sang phần nghị án. Trước khi HĐXX vào nghị án, cho phép bị cáo nói lời sau cùng.

4. Lời nói sau cùng của bị cáo:

- Bị cáo: Bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt để trở về với gia đình và xã hội.

Hội đồng xét xử vào nghị án để nghị án.

Hội đồng xét xử vào phòng xử án và tuyên án.

Thẩm phán, chủ tọa phiên tòa tuyên án theo bản án đã được HĐXX thông qua tại phòng nghị án.

Phiên tòa kết thúc vào hồi 10 giờ 10 phút ngày 10 tháng 12 năm 2020./.

**Thư ký ghi
biên bản phiên**

**Thẩm phán -
Chủ tọa phiên**

Tòa

Tòa

**Nguyễn Thị
Thành Huế**

**H Văn
Giang**

THÔNG BÁO KẾT QUẢ XÉT XỬ

Kính gửi: UBND xã TĐ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ Điều 262 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên thông báo cho UBND xã TĐ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên được biết:

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 45/2020/HSST ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xét xử đối với bị cáo:

Bị cáo: **Phạm Văn S** (Không có tên gọi khác); sinh năm 1980 tại huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú hiện tại: Xóm Bản Piêng, xã TĐ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Bị cáo Phạm Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ khoản điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự. Khoản 1 Điều 268; khoản 1 Điều 298; Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn S 18 (Mười tám) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 26/7/2020.

Ngoài ra bản án còn quyết định về vật chứng, về án phí và quyền kháng cáo đối với bị cáo.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN

H Văn Giang

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 50 phút, ngày 10 tháng 12 năm 2020;
Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông H Văn Giang.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Thuận;
2. Bà Thái Thị Thìn.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 45/2020/ TLST- HS ngày 10 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo: Phạm Văn S (không có tên gọi khác), sinh năm: 1980 tại huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Xóm BP, xã TĐ, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH
CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1. Vụ án không thuộc trường hợp tạm đình chỉ, không thuộc trường hợp trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

2. Những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan Điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập; bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều hợp pháp.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

3. Về tội danh:

Có đủ căn cứ kết tội bị cáo: Bị cáo Phạm Văn S phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

4. Về hình phạt áp dụng đối với bị cáo:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173 BLHS, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 BLHS; Khoản 2 Điều 260; Khoản 1 Điều 268; Khoản 1 Điều 269; Khoản 1 Điều 298; Điều 329 Bộ luật TTHS:

Xử phạt bị cáo Phạm Văn S 18 (mười tám) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù từ ngày tạm giữ, tạm giam 26/7/2020.

Quyết định tạm giam bị cáo 45 (Bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án (10/12/2020) để đảm bảo thi hành án.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

5. Về vật chứng: HĐXX không xem xét

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

6. Về án phí, quyền kháng cáo:

- Về án phí: Căn cứ các điều 135,136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Phạm Văn S phải chịu 200.000 VNĐ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

- Về quyền kháng cáo: Căn cứ khoản 1 Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày tròn, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa. Có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

7. Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đều hợp pháp, đúng quy định của pháp luật.

8. Kiến nghị phòng ngừa tội phạm, khắc phục vi phạm: Không.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 00 phút, ngày 10 tháng 12 năm 2020.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN
TÒA**

Trần Văn Thuận

Thái Thị Thìn

H Văn Giang

